

Phụ lục 2

BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẢO ĐẢM ATTP NĂM 2021
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: /KH-BCĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Ban Chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh an toàn thực phẩm Tỉnh)

(ĐVT: nghìn đồng)

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Ngày, lần	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí địa phương năm 2021
I	KINH PHÍ CỦA NGÀNH Y TẾ					1,753,940
1.1	Tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trong vụ ngộ độc được ghi nhận dưới 5 người/100.000 dân; Công tác nội dung quản lý nhà nước khác thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.					1,521,540
1.1.1	Nâng cao năng lực quản lý an toàn thực phẩm					57,350
a	Giám sát công tác thực hiện của tuyến huyện (01 đợt): Giám sát 6 tháng đầu năm tại 12 huyện, thành phố. Số lượng thành viên đoàn giám sát 6 người.					14,400
	Chi tiền tàu, xe/ thuê xe/ xăng xe: 1.800.000 đ/ngày x 6 ngày			6	1,800	10,800
	Phụ cấp công tác phí: 100.000 đ/người/ngày x 6 người x 6 ngày			36	100	3,600
b	Hội nghị triển khai Tháng hành động vì ATTP của Tỉnh					4,950
	+ Thuê hội trường			1	2,500	2,500
	+ Tài liệu			70	15	1,050
	+ Nước uống			70	20	1,400
c	Phối hợp tổ chức phát động Tháng hành động vì ATTP của Tỉnh					38,000
	+ Hỗ trợ thuê lễ đài, trang trí, ghê đại biểu			1	5,000	5,000
	+ Văn nghệ (tiểu phẩm, hát múa hoặc hình thức cổ động khác)			1	5,000	5,000
	+ Sản phẩm tuyên truyền ATTP cung cấp cho người tham gia phát động			400	50	20,000
	+ Nước uống			400	20	8,000
1.1.2	Phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm					373,540
a	Công tác giám sát ngộ độc thực phẩm, cảnh báo nguy cơ ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn Tỉnh					
	- Xăng xe			3,632	2	
	- Công tác phí			96	100	
	- Mua mẫu xét nghiệm			300	60	
	- Mua dụng cụ đựng mẫu					

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Ngày, lần	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí địa phương năm 2021
	- Chi thuê xét nghiệm mẫu			300	400	
<i>b</i>	<i>Chi công tác kiểm soát, giám sát các cơ sở dịch vụ ăn uống và căn tin, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố</i>					<i>278,540</i>
	- Tuyên huyện			12	20,000	278,540
	+ Xăng xe			286	50	14,300
	+ Công tác phí			300	100	30,000
	+ Mua mẫu xét nghiệm			360	40	14,400
	+ Mua dụng cụ đựng mẫu					3,840
	+ Chi thuê xét nghiệm mẫu			360	600	216,000
<i>c</i>	<i>Mua test nhanh phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ô nhiễm thực phẩm</i>			<i>190</i>	<i>500</i>	<i>95,000</i>
1.1.3	Thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm của các cơ sở thực phẩm trong các đợt: Tết Nguyên đán, Tháng hành động, kỳ thi THPT, tuyển sinh CD, ĐH, Mùa Hè, Tết Trung Thu, Mùa lũ phục vụ các lễ hội, sự kiện nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm (6 đợt).					396,500
	Thuê xe/ xăng xe, tiền tàu xe: 50.000 đ/người/ngày x 13 đoàn x 06 đợt x 5 ngày x 6 người			2,340	50	117,000
	Phụ cấp công tác phí: 100.000 đ/người /ngày x 13 đoàn x 06 đợt x 5 ngày x 6 người			2,340	100	234,000
	Chi mua mẫu xét nghiệm: 100 mẫu/đợt x 60.000 đ /mẫu			100	60	6,000
	Mua dụng cụ lấy mẫu: 300 x 15.000 đ			300	15	4,500
	Thuê xét nghiệm mẫu: 100 mẫu x 350.000 đ/mẫu			100	350	35,000
1.1.4	Chi thù lao cán bộ chuyên trách tuyến xã:					343,200
	143 xã, phường x 200.000 đ/ người/tháng x 12 tháng			1,716	200	343,200
1.1.5	Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, kiểm nghiệm chất lượng các loại thực phẩm lưu thông trên địa bàn tỉnh; Thanh tra kiểm tra, kiểm tra theo chuyên đề, chỉ đạo của cấp trên, kiểm tra an toàn thực phẩm chống hàng gian hàng giả					179,350
	Thuê xe/ xăng xe, tiền tàu, xe...: 1.700.000 đ/người/ngày x 6ngày x 4đợt kiểm tra			24	1,700	40,800
	Phụ cấp công tác phí: 100.000 đ/người/ngày x 6 người x 6ngày x 4 đợt kiểm tra			144	100	14,400
	Mua dụng cụ lấy mẫu: 390 dc x 15.000 đ			390	15	5,850
	Mua mẫu xét nghiệm (nhiều chỉ tiêu): 130 mẫu x 60.000 đ/mẫu			130	60	7,800
	Thuê xét nghiệm: 130 mẫu x 850.000 đ/mẫu			130	850	110,500

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Ngày, lần	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí địa phương năm 2021
1.1.6	Chi hỗ trợ thực hiện quản lý chương trình tuyến xã (100.000 đ/tháng/xã)		12	143	100	171,600
1.2	80% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm; người tiêu dùng; người quản lý được cập nhật kiến thức về an toàn thực phẩm					232,400
1.2.1	Truyền thông an toàn thực phẩm					232,400
a	Tổ chức triển khai tháng hành động vì an toàn thực phẩm (Hội nghị/ lễ Phát động/ Hội thảo...)					120,000
	- Tuyển huyện			12	10,000	120,000
	+ Chi thuê trang trí lễ đài, âm thanh, bàn ghế...			12	5,000	60,000
	+ Chi xăng xe tuyên truyền			12	2,000	24,000
	+ Chi băng rôn tuyên truyền			12	2,000	24,000
	+ Nước uống cho đại biểu tham dự			12	1,000	12,000
d	Tuyên truyền trên thông tin đại chúng					75,900
	- Phối hợp với đài truyền hình tuyên truyền trong Tết Nguyên đán, Tháng hành động, Tết Trung thu, mùa hè, mùa lũ, ...			3	25,300	75,900
e	Tập huấn chuyên môn về công tác thanh kiểm tra, điều tra ngộ độc thực phẩm, triển khai các văn bản pháp luật về an toàn thực					36,500
	- Tuyển tỉnh			2	3,850	7,700
	+ Tài liệu			100	17	1,700
	+ Nước uống			100	20	2,000
	+ Giảng viên			2	300	600
	+ Thuê, trang trí hội trường			2	1,700	3,400
	- Tuyển huyện			12	2,400	28,800
	+ Tài liệu			360	30	10,800
	+ Nước uống			360	20	7,200
	+ Giảng viên			12	200	2,400
	+ Thuê, trang trí hội trường			12	700	8,400
II	KINH PHÍ CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					0
	<i>Ghi chú: Sở Nông nghiệp và PTNG và các đơn vị trực thuộc không đề xuất kinh phí địa phương.</i>					
III	KINH PHÍ CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG					633,520
3.1	Xây dựng mô hình chợ bảo đảm ATTP					40,000

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Ngày, lần	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí địa phương năm 2021
	Hỗ trợ cấp thiết bị kiểm tra chất lượng thực phẩm (Bộ test nhanh an toàn vệ sinh thực phẩm)	Bộ		1	12,000	12,000
	Bảng hiệu mô hình thí điểm chợ bảo đảm an toàn thực phẩm	Bảng		1	8,000	8,000
	Bảng chỉ dẫn khu vực	Bảng		6	500	3,000
	Bảng hiệu các hộ bán rau của quả, thịt gia súc gia cầm (nội dung bảng hiệu gồm: tên và sdt chủ hộ)	Bộ		1	5,000	5,000
	Sổ theo dõi truy xuất nguồn gốc thực phẩm an toàn	Bộ		1	2,000	2,000
	Thùng rác có nắp đậy	Thùng		100	100	10,000
3.2	Tổ chức 12 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về ATTP ngành Công Thương.					163,200
	Thuê hội trường	Buổi	12	1	2,000	24,000
	Tài liệu	Quyển	12	150	30	54,000
	Nước uống	Đại biểu	12	150	20	36,000
	Băng ron	Cái	12	1	500	6,000
	Chi bồi dưỡng báo cáo viên	Người	12	3	400	14,400
	Chi phí khác (công tác phí, gửi công văn, văn phòng phẩm...)	Lớp	12	1	2,400	28,800
3.3	Thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm					300,320
3.3.1	<i>Tổ chức 04 đợt thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm định kỳ chất lượng an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (quí/ đợt)</i>					258,400
	Mua mẫu xét nghiệm	Mẫu	4	30	180	21,600
	Dụng cụ lấy mẫu + VPP (khoán)		4		1,200	4,800
	Thuê xét nghiệm	Mẫu	4	30	800	96,000
	Xăng xe	Ngày	4	10	1,200	48,000
	Công tác phí (10 ngày)	Người	4	5	100	20,000
*	Công tác hậu kiểm					
	Xăng xe	Ngày	4	10	1,200	48,000
	Công tác phí (10 ngày)	Người	4	5	100	20,000
3.3.2	<i>Tổ chức 08 đợt kiểm tra đột xuất chất lượng an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương</i>					41,920
	Mua mẫu xét nghiệm	Mẫu	8	3	180	4,320
	Dụng cụ lấy mẫu + VPP (khoán)		8		600	4,800
	Thuê xét nghiệm	Mẫu	8	3	800	19,200
	Xăng xe	Ngày	8	1	1,200	9,600

TT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Ngày, lần	Số lượng	Đơn giá	Kinh phí địa phương năm 2021
	Công tác phí	Người	8	5	100	4,000
3.4	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra về ATTP ngành Công Thương.	Người	1	13	10,000	130,000
	Tổng					2,387,460